

Số: 778 /TCT-TNCN

Hà nội, ngày 9 tháng 5 năm 2009

V/v Hướng dẫn khai tờ khai
thuế TNCN

Kính gửi: Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Bộ Tài chính đã ban hành hệ thống biểu mẫu kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 phục vụ cho việc khai thuế thu nhập cá nhân.

Để thuận tiện cho việc khai thuế thu nhập cá nhân, Tổng cục Thuế hướng dẫn cụ thể việc khai tờ khai trong hệ thống biểu mẫu (đính kèm)

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Cục thuế phản ánh kịp thời về Tổng cục Thuế (Ban quản lý thuế thu nhập cá nhân) để nghiên cứu giải quyết.

Tổng cục Thuế thông báo để các Cục Thuế biết và hướng dẫn thực hiện./,

Nơi nhận:

- Như trên
- Cục UDCNTT
- Ban KK, Ban CC, Ban KK-KTT
- Lưu: VT, TNCN.

KỶ TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Phạm Duy Khương

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 01/ĐK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008
của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

Cá nhân ghi mã số thuế đã được cấp trong trường hợp thay đổi thông tin

[01]. Họ và tên người đăng ký thuế: Ghi chữ in HOA theo tên trong Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu, ghi rõ dấu, ghi cách ô họ, tên đệm, tên)

[02]. Ngày tháng năm sinh: Ghi theo ngày tháng trong Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu trường hợp không mang quốc tịch Việt nam

[03]. Giới tính: tích dấu gạch chéo (x) vào ô thích hợp

[04]. Quốc tịch: khai trong trường hợp không phải quốc tịch Việt nam

[05]. Số chứng minh thư nhân dân:

[05.1] Ngày cấp

[05.2] Nơi cấp (tỉnh/thành phố):

[06]. Số Hộ chiếu: khai trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam

[06.1] Ngày cấp

[06.2] Nơi cấp (quốc gia):

[07]. Địa chỉ đăng ký theo Hộ khẩu (mục này dành cho người mang quốc tịch Việt nam): ghi đúng theo địa chỉ ghi trong hộ khẩu

[07.1] Số nhà/Đường phố, thôn, xóm:

[07.2] Xã, phường:

[07.3] Quận (huyện):

[07.4] Tỉnh (thành phố):

[07.5] Quốc gia: Việt nam

[08]. Địa chỉ cư trú (địa chỉ hiện đang tạm trú): khai trong trường hợp không trú tại địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu hoặc người không mang quốc tịch Việt nam

[08.1] Số nhà/Đường phố, thôn, xóm:

[08.2] Xã, phường:

[08.3] Quận (huyện):

[08.4] Tỉnh (thành phố):

[09]. Điện thoại liên hệ: số điện thoại của người đăng ký thuế để thuận tiện cho việc liên hệ giữa cơ quan thuế và người đăng ký thuế

[10]. Email: là địa chỉ E-mail của người đăng ký thuế để thuận tiện cho việc liên hệ giữa cơ quan thuế và người đăng ký thuế

[11]. Cơ quan thuế quản lý :

Trường hợp cá nhân khai thuế qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập, cơ quan thuế quản lý là cơ quan thuế trực tiếp tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế

Trường hợp cá nhân khai thuế trực tiếp, cơ quan thuế quản lý là cơ quan thuế nơi người nộp thuế hiện đang tạm trú (chi tiêu [08])

Chú ý: Cá nhân có thu nhập từ kinh doanh thực hiện đăng ký thuế TNCN chung với đăng ký thuế GTGT theo mẫu 03-ĐK-TCT tại Thông tư 85/2007TT-BTC ngày 18/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về việc đăng ký thuế.

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 02/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (tháng, quý, năm). Trường hợp khai thuế tháng thì gạch quý, khai thuế quý thì gạch tháng. Thời hạn nộp tờ khai thuế tháng chậm nhất là ngày 20 của tháng sau. Thời hạn nộp tờ khai thuế theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau. Hàng tháng tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ theo từng loại tờ khai thấp hơn 5 triệu đồng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khai, nộp tờ khai thuế và nộp thuế theo quý. Việc khai thuế theo quý được căn cứ vào số thuế phát sinh của tháng đầu tiên trong năm.

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

[03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế.

[05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

[08] Tổng số lao động trong kỳ là tổng số lao động thường xuyên (số người thực tế được trả lương) mà đơn vị ký hợp đồng lao động, đối với kỳ khai thuế quý là số người thực tế được trả lương trong quý kể cả trường hợp lao động đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai.

[09] Tổng thu nhập trả cho lao động trong kỳ là tổng các khoản thu nhập chịu thuế bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thu nhập đã chi trả cho cá nhân ký hợp đồng lao động

[10] Tổng số lao động thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ là số lao động có thu nhập sau khi đã tạm tính giảm trừ gia cảnh phải tạm khấu trừ thuế TNCN, đối với kỳ khai thuế quý là số người thực tế được trả lương trong quý kể cả trường hợp lao động đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai.

[11] Tổng thu nhập trả cho lao động thuộc diện khấu trừ là tổng số thu nhập chịu thuế trong kỳ chi trả cho lao động thuộc diện khấu trừ thuế thu nhập theo biểu thuế lũy tiến từng phần.

[12] Tổng số người phụ thuộc được giảm trừ: là tổng số người phụ thuộc được giảm trừ của lao động thuộc diện khấu trừ thuế thu nhập theo biểu thuế lũy tiến từng phần. Đối với kỳ khai thuế quý là số người thực tế được giảm trừ trong quý kể cả trường hợp người phụ thuộc không còn được tính giảm trừ tính đến thời điểm lập tờ khai.

[13] Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ là tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ của lao động theo biểu thuế lũy tiến từng phần

[14] Tổng số lao động trong kỳ là tổng số lao động đã thuê ngoài trong kỳ, không thuộc diện ký hợp đồng lao động, đối với kỳ khai thuế quý là số người thực tế được trả lương trong quý kể cả trường hợp lao động thuê ngoài đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai = [15] + [16]

[15] Tổng số lao động thuê ngoài thuộc diện khấu trừ 10%: là tổng số lao động thuê ngoài trong kỳ đã có mã số thuế, có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)

[16] Tổng số lao động thuê ngoài thuộc diện khấu trừ 20% là tổng số lao động thuê ngoài trong kỳ chưa có mã số thuế, có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)

[17] Tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ là tổng số thu nhập chịu thuế từ tiền thù lao trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ = [18] + [19]

[18] Tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài đã khấu trừ 10% là tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ đã có mã số thuế có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)

[19] Tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài đã khấu trừ 20% tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ chưa có mã số thuế có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)

Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ trong kỳ khai thuế chuyển từ diện chưa có mã số thuế đang tạm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thuế suất 20% thành đối tượng có mã số thuế khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất 10% đến thời điểm kê khai thì phản ánh ở chi tiêu [18]

[20] Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ trong kỳ là số thuế thu nhập đã khấu trừ từ tiền thù lao trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ = [21] + [22]

[21] Số thuế đã khấu trừ 10% trong kỳ = [18] x 10%

[22] Số thuế đã khấu trừ 20% trong kỳ = [19] x 20%

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 03/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (tháng, quý, năm). Trường hợp khai thuế tháng thì gạch chỉ tiêu quý, khai thuế quý thì gạch chỉ tiêu tháng.

Thời hạn nộp tờ khai thuế tháng chậm nhất là ngày 20 của tháng sau. Thời hạn nộp tờ khai thuế theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.

Hàng tháng tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ theo từng loại tờ khai thấp hơn 5 triệu đồng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khai, nộp tờ khai thuế và nộp thuế theo quý. Việc khai thuế theo quý được căn cứ vào số thuế phát sinh của tháng đầu tiên trong năm.

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

[03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế.

[05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

I. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn:

[08] Tổng số cá nhân có thu nhập: là số người được nhận các khoản thu nhập từ đầu tư vốn mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả trong kỳ kê khai, kể cả cá nhân không cư trú.

[09] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ đầu tư vốn mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[10] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (5%): được khấu trừ 5% từ số thu nhập từ đầu tư vốn mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả = [09] x 5%

II. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

[11] Tổng số cá nhân có thu nhập: là số người được nhận các khoản thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả trong kỳ kê khai, kể cả cá nhân không cư trú

[12] Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán: là tổng giá trị giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[13] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (0,1%): là số thuế khấu trừ 0,1% trên tổng số giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả = [12] x 0,1%

III. Đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:

[14] Tổng số lượt cá nhân có thu nhập: là số lượt người được nhận các khoản thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả trong kỳ kê khai, kể cả cá nhân không cư trú. Trường hợp một cá nhân nhận thu nhập nhiều lượt, phản ánh đủ số lượt nhận thu nhập theo từng hợp đồng chuyển nhượng. Trường hợp đối tượng chuyển giao, chuyển quyền là đồng sở hữu thì cá nhân nhận thu nhập được tính cho từng cá nhân sở hữu.

[15] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả theo hợp đồng chuyển nhượng (được xác định khi thanh lý hợp đồng).

[16] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (5%): là số thuế khấu trừ 5% tổng số thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại vượt trên 10.000.000 vnd/lần mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả = $([15] - 10.000.000 \text{ vnd}) \times 5\%$.

Trường hợp cá nhân nhận thu nhập làm nhiều lượt mà thu nhập được nhận dưới 10 triệu đồng, tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ cho đến khi đủ phần thu nhập 10 triệu đồng trước khi tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp

Ví dụ:

Cá nhân A thực hiện hợp đồng bản quyền, nhượng quyền thương mại có giá trị hợp đồng 108 triệu đồng, được nhận trong 12 lần, mỗi lần được nhận 9 triệu đồng.

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ phần thu nhập 9 triệu đồng khi chi trả lần thứ nhất. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm theo dõi việc khấu trừ này và chưa thực hiện phản ánh vào tờ khai số 03

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ nốt phần thu nhập 1 triệu đồng khi chi trả lần thứ hai và tính thuế phần thu nhập vượt trên 1 triệu đồng là 8 triệu đồng với thuế suất 5%.

Số thuế phải nộp = 8 triệu \times 5% = 400.000 đồng

Số thu nhập chịu thuế 8 triệu đồng phản ánh vào chi tiêu [15]

Số thuế thu nhập 400.000 đồng phản ánh vào chi tiêu [16]

Trường hợp cùng là một đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhưng hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng thực hiện làm nhiều hợp đồng với cùng một đối tượng sử dụng thì thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng tính trên tổng các hợp đồng chuyển giao.

Trường hợp đối tượng chuyển giao, chuyển quyền là đồng sở hữu thì thu nhập tính thuế được phân chia cho từng cá nhân sở hữu. Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại vượt trên 10.000.000 vnd/lần được xác định đối với từng cá nhân sở hữu.

IV. Đối với thu nhập từ trúng thưởng:

[17] Tổng số lượt cá nhân có thu nhập: là số lượt người được nhận các khoản thu nhập từ trúng thưởng trong kỳ kê khai mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả, kể cả cá nhân không cư trú

[18] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ trúng thưởng mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[19] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (10%): được xác định bằng 10% trên tổng số thu nhập vượt trên 10 triệu đồng/lần từ trúng thưởng mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả

= $([18] - 10.000.000 \text{ vnd}) \times 10\%$

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 04/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (tháng, quý, năm). Trường hợp khai thuế tháng thì gạch quý, khai thuế quý thì gạch tháng. Thời hạn nộp tờ khai thuế tháng chậm nhất là ngày 20 của tháng sau. Thời hạn nộp tờ khai thuế theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau. Hàng tháng tổ chức, cá nhân trả thu nhập có tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ theo từng loại tờ khai thấp hơn 5 triệu đồng thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khai, nộp tờ khai thuế và nộp thuế theo quý. Việc khai thuế theo quý được căn cứ vào số thuế phát sinh của tháng đầu tiên trong năm.

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

[03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh đã đăng ký với cơ quan thuế.

[05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

[08] Tổng số cá nhân có thu nhập trong kỳ: tổng số cá nhân là đối tượng không cư trú nhận thu nhập

[09] Tổng số cá nhân có thu nhập từ tiền công, tiền lương: tổng số cá nhân là đối tượng không cư trú nhận thu nhập từ tiền lương, tiền công do tổ chức cá nhân trả

[10] Tổng số cá nhân có thu nhập từ kinh doanh: tổng số cá nhân là đối tượng không cư trú nhận thu nhập từ cung cấp hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân trả

[11] Tổng số thu nhập đã trả trong kỳ: Tổng thu nhập mà tổ chức, cá nhân thực tế trả cho cá nhân không cư trú

[12] Tổng số thu nhập từ tiền công, tiền lương đã trả: Tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân thực tế trả cho cá nhân không cư trú

[13] Tổng số thu nhập từ kinh doanh đã trả: Tổng thu nhập mà tổ chức, cá nhân thực tế trả cho cá nhân không cư trú cung cấp hàng hóa, dịch vụ

[14] Tổng số thuế đã khấu trừ trong kỳ: là tổng số thuế mà tổ chức, cá nhân khấu trừ từ thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú

[15] Tổng số thuế đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương đã trả: là tổng số thuế mà tổ chức, cá nhân khấu trừ 20% từ thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú = [12] x 20%

[16] Tổng số thuế đã khấu trừ đối với thu nhập từ kinh doanh: là tổng số thuế mà tổ chức, cá nhân khấu trừ theo tỷ lệ trên doanh thu tương ứng với loại hình kinh doanh từ thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú = [13] x thuế suất:

a. 1% đối với hoạt động kinh doanh hàng hóa;

b. 5% đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ;

c. 2% đối với hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải và hoạt động kinh doanh khác;

09604203

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỔ 05/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai năm. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.
- [02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [08] Tổng số lao động trong kỳ là tổng số lao động trong năm (số người thực tế đã được trả lương) mà đơn vị ký hợp đồng lao động, kể cả trường hợp đã thôi việc
- [09] Tổng thu nhập trả cho lao động trong kỳ là các khoản thu nhập bao gồm tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã chi trả cho cá nhân ký hợp đồng lao động
- [10] Tổng số lao động thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ là số lao động có thu nhập sau khi đã tạm tính giảm trừ gia cảnh phải tạm khấu trừ thuế TNCN kể cả trường hợp đã thôi việc
- [11] Tổng thu nhập trả cho lao động thuộc diện khấu trừ là tổng số thu nhập chịu thuế đã chi trả cho lao động thuộc diện khấu trừ thuế thu nhập theo biểu thuế lũy tiến từng phần.
- [12] Tổng số người phụ thuộc được giảm trừ: là tổng số người phụ thuộc được giảm trừ trong năm của lao động thuộc diện khấu trừ thuế thu nhập theo biểu thuế lũy tiến từng phần, kể cả trường hợp không còn là đối tượng được giảm trừ tại thời điểm kê khai.
- [13] Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ là tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ của lao động theo biểu thuế lũy tiến từng phần
- [14] Tổng số lao động trong kỳ là tổng số lao động đã thuê ngoài trong kỳ, không thuộc diện ký hợp đồng lao động, được nhận thu nhập từ tiền thù lao tới mức khấu trừ. Đối với cá nhân có nhiều lần có thu nhập tới mức khấu trừ trong năm thì được tính là 1 người.
- [15] Tổng số lao động thuê ngoài thuộc diện khấu trừ 10%: là tổng số lao động thuê ngoài trong kỳ đã có mã số thuế, có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)
- [16] Tổng số lao động thuê ngoài thuộc diện khấu trừ 20% là tổng số lao động thuê ngoài trong kỳ chưa có mã số thuế, có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)
- Trường hợp cá nhân có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ trong kỳ khai thuế chuyển từ diện chưa có mã số thuế đang tạm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thuế suất 20% thành đối tượng có mã số thuế khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất 10% đến thời điểm kê khai thì phản ánh ở chi tiêu [15]
- [17] Tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ là tổng số tiền thù lao trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ
- [18] Tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài đã khấu trừ 10% là tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ đã có mã số thuế có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)

[19] Tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài đã khấu trừ 20% tổng số thu nhập trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ chưa có mã số thuế có thu nhập từ tiền thù lao đến mức khấu trừ (từ 500.000VNĐ/lần trở lên)

[20] Tổng số thuế thu nhập đã khấu trừ trong kỳ là số thuế thu nhập đã khấu trừ từ tiền thù lao trả cho lao động thuê ngoài trong kỳ

[21] Số thuế đã khấu trừ 10% trong kỳ = [18] x 10%

[22] Số thuế đã khấu trừ 20% trong kỳ = [19] x 20%

Bảng kê 05A/BK-TNCN là bảng kê chi tiết thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập có tính chất tiền lương, tiền công, giảm trừ gia cảnh và thuế thu nhập đã khấu trừ của từng cá nhân, kể cả những cá nhân sau khi thực hiện giảm trừ gia cảnh không còn thu nhập tính thuế.

Bảng kê 05B/BK-TNCN là bảng kê chi tiết thu nhập từ tiền thù lao và thuế thu nhập đã khấu trừ của từng cá nhân, kể cả những cá nhân nhận thu nhập dưới mức 500.000 đồng/lần nhận thu nhập.

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 06/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai năm. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

[02] Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

[03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh.

[05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

I. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn:

[08] Tổng số cá nhân có thu nhập: là số người được nhận các khoản thu nhập từ đầu tư vốn, kể cả cá nhân không cư trú, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế đã trả,

[09] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ đầu tư vốn mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[10] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (5%): được khấu trừ 5% từ số thu nhập từ đầu tư vốn mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả = [09] x 5%

II. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

[11] Tổng số cá nhân có thu nhập: là số người được nhận các khoản thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, kể cả cá nhân không cư trú, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[12] Tổng giá trị chuyển nhượng chứng khoán: là tổng giá trị giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[13] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (0,1%): là số thuế khấu trừ 0,1% trên tổng số giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

= [12] x 0,1%

III. Đối với thu nhập từ bán quyền, nhượng quyền thương mại:

[14] Tổng số lượt cá nhân có thu nhập: là số lượt người được nhận các khoản thu nhập từ bán quyền, nhượng quyền thương mại, kể cả cá nhân không cư trú, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[15] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ bán quyền, nhượng quyền thương mại mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[16] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (5%): là số thuế khấu trừ 5% tổng số thu nhập từ bán quyền, nhượng quyền thương mại vượt trên 10.000.000 vnd/lần mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

= ([15] - 10.000.000 vnd) x 5%

Trường hợp cùng là một đối tượng của quyền sở hữu tri tuệ, chuyển giao công nghệ nhưng hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng thực hiện làm nhiều hợp đồng với cùng một đối tượng sử dụng thì thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng tính trên tổng các hợp đồng chuyển giao.

Trường hợp đối tượng chuyển giao, chuyển quyền là đồng sở hữu thì thu nhập tính thuế được phân chia cho từng cá nhân sở hữu. Thu nhập từ bán quyền, nhượng quyền thương mại vượt trên 10.000.000 vnd/lần được xác định đối với từng cá nhân sở hữu.

IV. Đối với thu nhập từ trúng thưởng:

[17] Tổng số lượt cá nhân có thu nhập: là số lượt người được nhận các khoản thu nhập từ trúng thưởng, kể cả cá nhân không cư trú, mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[18] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ trúng thưởng mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả

[19] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ (10%): được xác định bằng 10% trên tổng số thu nhập vượt trên 10 triệu đồng/lần từ trúng thưởng mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực tế trả = $([18] - 10.000.000 \text{ VND}) \times 10\%$

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỔ 07/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (tháng, quý, năm). Trường hợp khai thuế tháng thì gạch chi tiêu quý, khai thuế quý thì gạch chi tiêu tháng.
Thời hạn nộp tờ khai thuế tháng chậm nhất là ngày 20 của tháng sau. Thời hạn nộp tờ khai thuế theo quý chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.
Hàng tháng tổ chức, cá nhân có tổng số thuế thu nhập cá nhân thấp hơn 5 triệu đồng thì được khai, nộp tờ khai thuế và nộp thuế theo quý. Việc khai thuế theo quý được căn cứ vào số thuế phát sinh của tháng đầu tiên trong năm.
- [02] Tên cá nhân nhận thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Thông báo mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế như trên Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ tạm trú theo tờ khai đăng ký thuế với cơ quan thuế.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [08] Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền công, tiền lương phát sinh trong kỳ là tổng các khoản thu nhập từ [09] đến [12] = [09] + [10] + [11] + [12]
- [09] Thu nhập từ tiền lương, tiền công: Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công
- [10] Tiền thưởng là các khoản thưởng như tháng, quý, năm, thưởng đột xuất, thưởng tháng lương thứ 13
- [11] Thu nhập khác là các khoản thu nhập chịu thuế khác (nếu có)
- [12] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt nam, khai trong trường hợp phát sinh thu nhập ở nước ngoài (nếu có)
- [13] Các khoản giảm trừ = [14] + [15] + [16] + [17]
- [14] Cho bản thân là khoản giảm trừ 4.000.000 vnd/tháng
- [15] Cho người phụ thuộc là khoản giảm trừ cho người phụ thuộc 1.600.000 vnd/người
- [16] Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học
- [17] Các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc
- [18] Tổng thu nhập tính thuế = [08] - [13]
- [19] Tổng số thuế phải nộp trong kỳ là số thuế được tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần
- [20] Họ và tên người phụ thuộc ghi đầy đủ họ và tên người phụ thuộc theo CMND hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [21] Mã số thuế người phụ thuộc (nếu có)
- [22] Ngày sinh người phụ thuộc như trong CMND hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [23] Số CMND trong trường hợp chưa có mã số thuế
- [24] Số hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [25] Quan hệ với đối tượng nộp thuế ghi rõ mối quan hệ với đối tượng nộp thuế

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 08/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

-
- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (quý, năm). Thời hạn nộp tờ khai chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.
- [02] Tên cá nhân kinh doanh: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân kinh doanh như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh hoặc địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [08] Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ phản ánh theo sổ sách kế toán
- [09] Tổng chi phí phát sinh trong kỳ phản ánh theo sổ sách kế toán, trường hợp cá nhân kinh doanh chỉ hạch toán được doanh thu kinh doanh, không hạch toán được chi phí, phần chi phí kinh doanh được xác định theo mức ấn định của cơ quan thuế.
- [10] Thu nhập chịu thuế = [08] - [09]
- [11] Các khoản giảm trừ = [14] + [15] + [16] + [17]
- [12] Cho bản thân là khoản giảm trừ 4.000.000 VND/tháng
- [13] Cho người phụ thuộc là khoản giảm trừ cho người phụ thuộc 1.600.000 VND/người
- [14] Cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học
- [15] Các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc
- [16] Thu nhập tính thuế = [10] - [11]
- [17] Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp trong kỳ được tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần
- [18] Thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam
- Chi tiết giảm trừ cho người phụ thuộc
- [19] Họ và tên khai họ và tên người phụ thuộc theo chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [20] Ngày sinh được lấy theo ngày sinh theo chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [21] Số CMND hoặc hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [22] Quan hệ với ĐTNT ghi rõ quan hệ với ĐTNT
- [23] Số tháng được tính giảm trừ trong quý là số tháng được giảm trừ thực tế phát sinh trong quý kê khai
- [24] Thu nhập được giảm trừ là số thu nhập được giảm trừ tương ứng với người phụ thuộc và số tháng được tính giảm trừ
- [25] Tổng số tháng được tính giảm trừ trong quý là tổng cột [23]
- [26] Tổng thu nhập được giảm trừ là tổng cột [24]

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 08A/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (quý, năm). Thời hạn nộp tờ khai chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.
- [02] Tên người đại diện cho nhóm cá nhân kinh doanh: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân nhận thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh hoặc thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có bỏ trống)
- [08] Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ phản ánh theo sổ sách kế toán
- [09] Tổng chi phí phát sinh trong kỳ phản ánh theo sổ sách kế toán, trường hợp cá nhân kinh doanh chi hạch toán được doanh thu kinh doanh, không hạch toán được chi phí, phần chi phí kinh doanh được xác định theo mức ấn định của cơ quan thuế.
- [10] Thu nhập chịu thuế = [08] - [09]
- [11] Tổng số cá nhân trong nhóm là tổng số người theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- [12] Thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt nam: Thu nhập chịu thuế, thu nhập tính thuế và số thuế tạm nộp trong kỳ của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh
- [13] Họ và tên các thành viên trong nhóm kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- [14] Mã số thuế của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh
- [15] Tỷ lệ phân chia thu nhập (%) của các thành viên trong nhóm kinh doanh
- [16] Thu nhập chịu thuế tương ứng với từng cá nhân trong nhóm theo tỷ lệ phân chia tương ứng = [10] x % tỷ lệ tương ứng
- [17] Giảm trừ bản thân là khoản giảm trừ 4.000.000 VND/tháng
- [18] Giảm trừ người phụ thuộc là khoản giảm trừ cho người phụ thuộc 1.600.000 VND/người
- [19] Giảm trừ từ thiện là các khoản giảm trừ cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học
- [20] Giảm trừ bảo hiểm là các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc
- [21] Tổng các khoản giảm trừ = [17] + [18] + [19] + [20]
- [22] Thu nhập tính thuế = [16] - [21]
- [23] Thuế tạm nộp là khoản thuế thu nhập cá nhân tạm nộp tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần
- [24] Thu nhập ngoài Việt Nam tương ứng với từng cá nhân trong nhóm theo tỷ lệ phân chia tương ứng = [12] x % tỷ lệ tương ứng
- [25] Tổng thu nhập chịu thuế là tổng cột [16]
- [26] Tổng các khoản giảm trừ cho bản thân của cả nhóm là tổng cột [17]
- [27] Tổng các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc của cả nhóm là tổng cột [18]
- [28] Tổng các khoản giảm trừ cho từ thiện của cả nhóm là tổng cột [19]
- [29] Tổng các khoản giảm trừ cho bảo hiểm của cả nhóm là tổng cột [20]
- [30] Tổng các khoản giảm trừ của cả nhóm là tổng cột [21]
- [31] Tổng thu nhập tính thuế của cả nhóm là tổng cột [22]
- [32] Tổng thuế tạm nộp của cả nhóm là tổng cột [23]
- [33] Tổng thu nhập ngoài Việt Nam của cả nhóm là tổng cột [24]

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 08B/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai năm. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

[02] Tên người đại diện nhóm cá nhân kinh doanh: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

[03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh, đối với cá nhân thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.

[05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

[08] Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế từ kinh doanh là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

[09] Các khoản giảm trừ doanh thu = [10] + [11] + [12] + [13]

[10] Chiết khấu thương mại:

[11] Giảm giá hàng bán:

[12] Giá trị hàng bán bị trả lại

[13] Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp:

[14] Doanh thu hoạt động tài chính:

[15] Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ = [16] + [17] + [18]

[16] Giá vốn hàng bán:

[17] Chi phí bán hàng:

[18] Chi phí quản lý:

[19] Chi phí tài chính:

[20] Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh: Chi phí trả lãi các khoản tiền vay vốn sản xuất, kinh doanh hàng hoá dịch vụ liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu, thu nhập chịu thuế và không bao gồm trả lãi tiền vay để góp vốn thành lập cơ sở của cá nhân kinh doanh.

[21] Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh = {[08] - [09] - [15]} + {[14] - [19]}

[22] Thu nhập khác: là doanh thu khác không phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (nếu có)

[23] Chi phí khác: là các chi phí liên quan đến thu nhập khác (nếu có)

[24] Thu nhập chịu thuế khác = [22] - [23]

[25] Thu nhập chịu thuế ngoài Việt nam

[26] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ = [21] + [24] + [25]

Thu nhập chịu thuế và số thuế đã tạm nộp của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh:

[27] Họ và tên các cá nhân trong nhóm kinh doanh

[28] Mã số thuế của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh

[29] Tỷ lệ phân chia thu nhập Tỷ lệ phân chia thu nhập (%) của các thành viên trong nhóm kinh doanh

- [30] Thu nhập chịu thuế nhận được của từng cá nhân trong nhóm theo tỷ lệ phân chia tương ứng = [26] x % tỷ lệ tương ứng
- [31] Thuế TNCN tạm nộp trong kỳ là khoản thuế thu nhập cá nhân tạm nộp tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần
- [32] Tỷ lệ phân chia thu nhập (100%)
- [33] Tổng thu nhập chịu thuế là tổng cột [30]
- [34] Tổng số thuế TNCN tạm nộp trong kỳ là tổng cột [31]

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

-
- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai năm. Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế chậm nhất là ngày thứ chín mươi, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.
- [02] Tên cá nhân nhận thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân nhận thu nhập như trên Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [08] Tổng thu nhập chịu thuế = [09] + [10] + [11]
- [09] Tổng thu nhập chịu thuế từ tiền công, tiền lương: là tổng thu nhập từ tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công lấy từ chi tiêu [03] Phụ lục 09A/KK-TNCN
- [10] Tổng thu nhập chịu thuế từ kinh doanh: lấy từ chi tiêu [21] Phụ lục 09B/KK-TNCN
- [11] Thu nhập chịu thuế từ nước ngoài (nếu có)
- [12] Các khoản giảm trừ = [13] + [14] + [15] + [16]
- [13] Cho bản thân cá nhân có thu nhập: là số giảm trừ cho bản thân người có thu nhập, bằng 4.000.000 vnd/tháng x 12 tháng
- [14] Cho những người phụ thuộc được giảm trừ: là số giảm trừ cho người phụ thuộc, bằng 1.600.000 vnd/người x số tháng được giảm trừ trong năm
- [15] Giảm trừ từ thiện, nhân đạo, khuyến học: là các khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; các khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận;
- [16] Giảm trừ các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BH trách nhiệm bắt buộc
- [17] Tổng thu nhập tính thuế = [08] - [12]
- [18] Tổng số thuế TNCN phải nộp phát sinh trong kỳ tính thuế là tổng số thuế được xác định theo Biểu thuế lũy tiến từng phần theo phụ lục 02
- [19] Tổng số thuế TNCN đã tạm nộp trong kỳ = [20] + [21] + [22]
- [20] Số thuế Đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương: lấy từ chi tiêu [08] Phụ lục 09A/KK-TNCN
- [21] Số thuế Đã tạm nộp đối với thu nhập từ kinh doanh: lấy từ chi tiêu [22] Phụ lục 09B/KK-TNCN
- [22] Số thuế đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ tối đa (nếu có): là số thuế đã nộp ở nước ngoài được xác định tối đa bằng số thuế phải nộp tương ứng với tỷ trọng thu nhập nhận được từ nước ngoài so với tổng thu nhập = $[18] \times [11]/[08] \times 100\%$
- [23] Tổng số thuế TNCN phải nộp trong kỳ = [18] - [19]

0960303

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09A/PL-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Họ và tên cá nhân có thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân

[02] Mã số thuế Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân nhận thu nhập như trên Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[03] Tổng thu nhập chịu thuế = [04] + [05] + [06]

[04] Thu nhập từ tiền lương, tiền công

[05] Tiền thưởng là các khoản thưởng như tháng, quý, năm, thưởng đột xuất, thưởng tháng lương thứ 13

[06] Thu nhập khác là các khoản thu nhập khác (nếu có)

[07] Thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh ngoài Việt Nam (nếu có)

[08] Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ = [09] + [10] + [11]

[09] Tổng số thuế đã khấu trừ từ tiền lương, tiền công lấy từ tờ chức, cá nhân trả thu nhập

[10] Tổng số thuế đã khấu trừ theo mức 10% là tổng số thuế đã được tạm khấu trừ 10% trong năm (tổng hợp từ số thuế đã được cấp chứng từ khấu trừ)

[11] Tổng số thuế đã khấu trừ theo mức 20% là tổng số thuế đã được tạm khấu trừ 20% trong năm (tổng hợp từ số thuế đã được cấp chứng từ khấu trừ)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09B/PL-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Họ và tên cá nhân có thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [02] Mã số thuế Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân nhận thu nhập như trên Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [03] Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ: Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế từ kinh doanh là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- [04] Các khoản giảm trừ doanh thu = [05] + [06] + [07] + [08]
- [05] Chiết khấu thương mại
- [06] Giảm giá hàng bán
- [07] Giá trị hàng bán bị trả lại
- [08] Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp
- [09] Doanh thu hoạt động tài chính
- [10] Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ = [12] + [13] + [14]
- [11] Giá vốn hàng bán
- [12] Chi phí bán hàng
- [13] Chi phí quản lý
- [14] Chi phí tài chính
- Trong đó:
- [15] Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh
- [16] Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh = {[03] - [04] - [10]} + {[09] - [14]}
- [17] Thu nhập khác là doanh thu khác không phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (nếu có)
- [18] Chi phí khác là các chi phí liên quan đến thu nhập khác (nếu có)
- [19] Thu nhập chịu thuế khác = [17] - [18]
- [20] Thu nhập chịu thuế phát sinh ngoài Việt Nam
- [21] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ = [16] + [19] + [20]
- [22] Tổng số thuế đã tạm nộp trong kỳ là số thuế đã tạm nộp theo biên lai nộp thuế

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09C/PL-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Họ và tên cá nhân có thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [02] Mã số thuế Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân nhận thu nhập như trên Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [03] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:
- [04] Mã số thuế của vợ (chồng) nếu có
- [05] Số CMND vợ (chồng) Số CMND trong trường hợp chưa có mã số thuế
- [06] Số hộ chiếu vợ (chồng) số hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [07] Họ và tên Họ và tên người phụ thuộc ghi đầy đủ họ và tên người phụ thuộc theo CMND hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [08] Ngày sinh Ngày sinh người phụ thuộc như trong CMND hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [09] Mã số thuế người phụ thuộc (nếu có)
- [10] Số CMND/hộ chiếu Số CMND trong trường hợp chưa có mã số thuế, số hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [11] Quan hệ với ĐTNT ghi rõ mối quan hệ với đối tượng nộp thuế
- [12] Số tháng được tính giảm trừ trong năm là số tháng được giảm trừ thực tế phát sinh trong cả năm
- [13] Thu nhập được giảm trừ là số thu nhập được giảm trừ tương ứng với người phụ thuộc và số tháng được tính giảm trừ
- [14] Số tháng được tính giảm trừ trong năm là tổng cột [12]
- [15] Thu nhập được giảm trừ là tổng cột [13]

09604203

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 10/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai năm...
- [02] Tên tổ chức, cá nhân kinh doanh: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đối với cá nhân là tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập như trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ trụ sở nơi đăng ký kinh doanh theo giấy phép kinh doanh, đối với cá nhân thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [08] Doanh thu dự kiến phát sinh trong kỳ
- [09] Tỷ lệ thu nhập chịu thuế dự kiến của kỳ (%)
- [10] Thu nhập chịu thuế dự kiến của kỳ = [08] x [09]
- [11] Giảm trừ gia cảnh = [12] + [13]
- [12] Cho bản thân cá nhân là khoản giảm trừ 4.000.000 VND/tháng
- [13] Cho người phụ thuộc là khoản giảm trừ cho người phụ thuộc 1.600.000 VND/người
- [14] Thu nhập tính thuế dự kiến trong kỳ = [10] - [11]
- [15] Thuế thu nhập cá nhân dự kiến phải nộp trong kỳ là số thuế phải nộp tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần
- [16] Họ và tên khai họ và tên người phụ thuộc theo chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [17] Ngày sinh được lấy theo ngày sinh theo chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [18] Số CMND hoặc hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [19] Quan hệ với ĐTNT ghi rõ quan hệ với ĐTNT
- [20] Số tháng được tính giảm trừ trong năm là số tháng được giảm trừ thực tế phát sinh trong năm kê khai
- [21] Thu nhập được giảm trừ là số thu nhập được giảm trừ tương ứng với người phụ thuộc và số tháng được tính giảm trừ
- [22] Tổng số tháng được tính giảm trừ trong quý là tổng cột [20]
- [23] Tổng thu nhập được giảm trừ là tổng cột [21]

09604203

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỔ 10A/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008
của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (tháng, năm). -
- [02] Họ và tên người đại diện cho nhóm kinh doanh: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân đại diện cho nhóm kinh doanh do cơ quan thuế cấp
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [05], [06], [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có bỏ trống)
- [08] Tổng doanh thu dự kiến phát trong kỳ
- [09] Tỷ lệ thu nhập chịu thuế dự kiến của kỳ
- [10] Thu nhập chịu thuế dự kiến của kỳ = [08] x [09]
- [11] Tổng số cá nhân trong nhóm là tổng số người theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- [12] Họ và tên các thành viên trong nhóm kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
- [13] Mã số thuế của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh
- [14] Tỷ lệ phân chia thu nhập (%) của các thành viên trong nhóm kinh doanh
- [15] Thu nhập chịu thuế tương ứng với từng cá nhân trong nhóm theo tỷ lệ phân chia tương ứng = [10] x [14]
- [16] Giảm trừ bản thân là khoản giảm trừ 4.000.000 vnd/tháng
- [17] Giảm trừ người phụ thuộc là khoản giảm trừ cho người phụ thuộc 1.600.000 vnd/người
- [18] Tổng các khoản giảm trừ = [16] + [17]
- [19] Thu nhập tính thuế = [15] - [18]
- [20] Thuế phải nộp là khoản thuế thu nhập cá nhân tạm nộp tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần
- [21] Tổng thu nhập chịu thuế là tổng cột [15]
- [22] Tổng giảm trừ bản thân là tổng cột [16]
- [23] Tổng các khoản giảm trừ cho người phụ thuộc của cả nhóm là tổng cột [17]
- [24] Tổng các khoản giảm trừ của cả nhóm là tổng cột [18]
- [25] Tổng thu nhập tính thuế là tổng cột [19]
- [26] Tổng số thuế phải nộp của cả nhóm là tổng cột [20]
- [27] Họ và tên cá nhân trong nhóm kinh doanh
- [28] Mã số thuế của cá nhân trong nhóm kinh doanh
- [29] Họ và tên người phụ thuộc khai họ và tên người phụ thuộc theo chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [30] Ngày sinh Ngày sinh được lấy theo ngày sinh theo chứng minh nhân dân hoặc giấy khai sinh trong trường hợp chưa có CMND
- [31] Số CMND/Hộ chiếu Số CMND hoặc hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [32] Quan hệ với ĐTNNT ghi rõ quan hệ với ĐTNNT
- [33] Số tháng được tính giảm trừ trong năm là số tháng được giảm trừ thực tế phát sinh trong năm kê khai
- [34] Thu nhập được giảm trừ là số thu nhập được giảm trừ tương ứng với người phụ thuộc và số tháng được tính giảm trừ
- [35] Tổng số tháng được tính giảm trừ trong năm là tổng cột [33]
- [36] Tổng số thu nhập được giảm trừ trong năm là tổng cột [34]

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 12/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008
của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai (tháng, năm).
- [02] Họ và tên cá nhân có vốn chuyển nhượng: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân do cơ quan thuế cấp, hoặc số CMND nếu chưa có mã số thuế, số hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam và chưa có mã số thuế
- [04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [05], [06] [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [08] Hợp đồng chuyển nhượng vốn số:Ngàytháng.....năm
- [09] Giấy phép đăng ký kinh doanh số:Ngày.....thángnăm.....
Cơ quan cấp:Ngày cấp:.....
- [10] Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc trong chứng minh nhân dân
- [11] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân do cơ quan thuế cấp, hoặc số CMND nếu chưa có mã số thuế
- [12] Số CMND/hộ chiếu: điền số CMND trong trường hợp chưa có MST, số hộ chiếu trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
- [13] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [14] [15] [16] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)
- [17] Giá chuyển nhượng ghi căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng
- [18] Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng ghi căn cứ
Trị giá vốn góp được xác định trên cơ sở sổ sách kế toán, hoá đơn, chứng từ nếu là chuyển nhượng vốn góp thành lập doanh nghiệp
Trị giá vốn góp được xác định căn cứ vào hợp đồng mua lại phần vốn góp nếu là phần vốn do mua lại
- [19] Chi phí chuyển nhượng là những chi phí hợp lý thực tế phát sinh liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn, có hoá đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định
- [20] Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn = [17] - [18] - [19]
- [21] Số thuế phải nộp = [20] x 20%

06504203

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 13/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008
của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Kỳ tính thuế: Ghi rõ kỳ thực hiện kê khai năm...

[02] Họ và tên cá nhân: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân

[03] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân do cơ quan thuế cấp

[04] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế.

[05], [06] [07] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

[08] Số tài khoản cá nhân: là các tài khoản đăng ký tại các Trung tâm giao dịch

[09] Tổng giá trị chứng khoán bán ra là tổng hợp các giao dịch đã được khấu trừ từ các trung tâm giao dịch chứng khoán

[10] Tổng giá trị chứng khoán mua vào là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kê toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.

[11] Các chi phí liên quan là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định

= [12] + [13] + [14] + [15]

[12] Chi phí làm thủ tục pháp lý

[13] Phí lưu ký chứng khoán

[14] Chi phí uỷ thác chứng khoán

[15] Chi phí khác

[16] Thu nhập chịu thuế = [09] - [10] - [11]

[17] Số thuế phải nộp trong kỳ = [16] x 20%

[18] Số thuế đã khấu trừ theo thuế suất 0,1% trong kỳ được xác định theo chứng từ khấu trừ được các trung tâm giao dịch cấp cho cá nhân qua từng giao dịch

[19] Số thuế còn phải nộp = [17] - [18]

09604203

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 13A/BK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008
của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

- [01] Họ và tên cá nhân có thu nhập Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân
- [02] Mã số thuế Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân do cơ quan thuế cấp
- [03] Mã chứng khoán là mã loại chứng khoán theo mã quy định chung
- [04] Giá bán Ghi giá bán theo giao dịch đã được khấu trừ từ các trung tâm giao dịch chứng khoán
- [05] Giá mua là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán hoặc giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua của từng giao dịch
- [06] Chi phí khoán chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định của từng giao dịch
- [07] Thu nhập chịu thuế = [04] - [05] - [06]
- [08] Số thuế đã khấu trừ là số thuế đã khấu trừ theo thuế suất 0,1% trong kỳ được xác định theo chứng từ khấu trừ được các trung tâm giao dịch cấp cho cá nhân qua từng giao dịch
- [09] Số chứng từ Số của chứng từ khấu trừ thuế 0,1%
- [10] Ngày chứng từ ngày ghi trên chứng từ khấu trừ thuế
- [11] Tổng giá bán là tổng cột [04]
- [12] Tổng giá mua là tổng cột [05]
- [13] Tổng chi phí là tổng cột [06]
- [14] Tổng thu nhập chịu thuế là tổng cột [07]
- [15] Tổng số thuế đã khấu trừ là tổng cột [08]

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 14/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008
của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

A - PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

I. Thông tin cá nhân nhận thừa kế, quà tặng

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc trong chứng minh nhân dân
2. Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân do cơ quan thuế cấp
3. Quốc tịch: ghi trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
4. Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế
5. 6. 7. Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

II. Văn bản giao nhận thừa kế, quà tặng

Làm tại:.....ngày tháng năm.....
đã được Công chứng chứng nhận hoặc UBND xã chứng thực ngày tháng năm.....

III. Thông tin về cá nhân cho thừa kế, quà tặng

1. Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo tên ghi trong tờ đăng ký mã số thuế hoặc trong chứng minh nhân dân
2. Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế của cá nhân đại diện cho nhóm kinh doanh do cơ quan thuế cấp
3. Quốc tịch: ghi trong trường hợp không mang quốc tịch Việt nam
4. Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ thường trú như đã đăng ký với cơ quan thuế
5. 6. 7. Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

IV. Giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản thừa kế, quà tặng số:

Do cơ quan:

Cấp ngày:

V. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng tích vào ô thích hợp

1. Chứng khoán
2. Vốn góp
3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng

VI. Thu nhập thừa kế, quà tặng (đồng Việt Nam):

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 19/KK-TNCN

ban hành kèm theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30 tháng 09 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân

[01] Tên cá nhân nhận thu nhập: Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in HOA theo Thông báo mã số thuế hoặc chứng minh nhân dân

[02] Mã số thuế: Ghi đầy đủ mã số thuế như trên Thông báo mã số thuế do cơ quan thuế cấp

[03] Địa chỉ: Ghi đúng theo địa chỉ tạm trú theo tờ khai đăng ký thuế với cơ quan thuế.

[04], [05], [06] Ghi các nội dung về số điện thoại, số fax, địa chỉ email (nếu không có thì bỏ trống)

I. Đối với thu nhập từ đầu tư vốn:

[07] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ đầu tư vốn mà cá nhân được nhận từ nước ngoài

[08] Tổng số thuế đã khấu trừ ở nước ngoài được xác định theo chứng từ khấu trừ của cơ quan thuế nước ngoài

[09] Tổng số thuế TNCN phải nộp theo Luật thuế thu nhập cá nhân tại Việt nam: được xác định 5% thu nhập từ đầu tư vốn mà cá nhân nhận được từ nước ngoài = [07] x 5%

[10] Số thuế còn phải nộp = [09] - [08]

II. Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

[11] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán mà cá nhân được nhận từ nước ngoài

[12] Tổng số thuế đã khấu trừ ở nước ngoài được xác định theo chứng từ khấu trừ của cơ quan thuế nước ngoài

[13] Tổng số thuế TNCN phải nộp theo Luật thuế thu nhập cá nhân tại Việt nam: được xác định 0,1% thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán mà cá nhân nhận được từ nước ngoài = [11] x 0,1%

[14] Số thuế còn phải nộp = [13] - [12]

III. Đối với thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại:

[15] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại mà cá nhân được nhận từ nước ngoài

[16] Tổng số thuế đã khấu trừ ở nước ngoài được xác định theo chứng từ khấu trừ của cơ quan thuế nước ngoài

[17] Tổng số thuế TNCN phải nộp theo Luật thuế thu nhập cá nhân tại Việt nam: được xác định 5% tổng số thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại vượt trên 10.000.000 VND/lần = ([15] - 10.000.000 VND) x 5%

[18] Số thuế còn phải nộp = [17] - [16]

IV. Đối với thu nhập từ trúng thưởng:

[17] Tổng thu nhập chịu thuế: là tổng số thu nhập từ trúng thưởng trong kỳ kê khai mà cá nhân được nhận từ nước ngoài

[18] Tổng số thuế đã khấu trừ ở nước ngoài được xác định theo chứng từ khấu trừ của cơ quan thuế nước ngoài

[19] Tổng số thuế TNCN phải nộp theo Luật thuế thu nhập cá nhân tại Việt nam: được xác định 10% trên tổng số thu nhập từ trúng thưởng vượt trên 10.000.000 VND = ([17] - 10.000.000 VND) x 10%

[20] Số thuế còn phải nộp = [19] - [18]